BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/2017/TT-BNV	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 241
Ngày: 17/1/18
CT, PCT
Chuyển: Lãnh

p. pc (hc)
Hưng

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương, Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố**

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố.

2. Thôn, tổ dân phố có các cụm dân cư, các tổ chức tự quản theo quy định của pháp luật".

2. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật; tham gia bàn và quyết định các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của pháp luật; chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành. Tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố nhằm bảo đảm toàn dân đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch trong các hoạt động của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng chống các tệ nạn xã hội.

2. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước theo quyền và nghĩa vụ của công dân; thực hiện sự lãnh đạo của chi bộ thôn, tổ dân phố; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Tham gia việc bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng ở xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

4. Các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều này được thực hiện thông qua hội nghị của thôn, tổ dân phố".

3. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 7. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải bảo đảm các điều kiện sau:

1. Điều kiện:

a) Quy mô số hộ gia đình:

- Đối với thôn: Ở vùng đồng bằng miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên phải có từ 400 hộ gia đình trở lên; khu vực miền Nam có từ 500 hộ gia đình trở lên; ở vùng miền núi, hải đảo có từ 200 hộ gia đình trở lên;

- Đối với tổ dân phố: Ở vùng đồng bằng phải có từ 500 hộ gia đình trở lên; ở vùng miền núi, hải đảo phải có từ 300 hộ gia đình trở lên.

b) Các điều kiện khác:

Thôn và tổ dân phố cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2. Đối với trường hợp đặc thù:

a) Ở khu vực biên giới, ở đảo biệt lập trên biển cách xa đất liền, do việc di dân hình thành các cụm dân cư mới để bảo vệ đường biên giới, đòi hỏi phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì điều kiện và quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định chung nêu trên.

b) Đối với thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư hoặc di dân tự do (nếu có) cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã thì điều kiện, quy trình, thủ tục và hồ sơ được thực hiện theo quy định như đối với việc thành lập mới và giải thể thôn, tổ dân phố; nếu không đủ quy mô quy định tại Thông tư này thì thực hiện việc ghép cụm dân cư theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 nêu trên của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ".

4. Bổ sung Điều 7a sau Điều 7 như sau:

"Điều 7a. Điều kiện nhập, giải thể và phân loại thôn, tổ dân phố

1. Tổ chức thực hiện việc sáp nhập các thôn, tổ dân phố có quy mô nhỏ để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới theo đúng điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư này; đồng thời, việc sáp nhập cần bảo đảm các yếu tố khác như: Không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã; các thôn, tổ dân phố thực hiện sáp nhập có vị trí liền kề nhau, địa hình không bị chia cắt phức tạp, thuận tiện cho việc phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất, kinh doanh và ổn định đời sống của nhân dân; được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của các thôn, tổ dân phố liên quan nhất trí, bảo đảm hiệu quả công tác quản lý dân cư của chính quyền cơ sở và hoạt động của thôn mới, tổ dân phố mới. Hình thức lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XI.

2. Trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố để giải phóng mặt bằng hoặc do sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định thì việc di dân, bố trí dân cư và giải quyết các vấn đề liên quan khác được thực hiện theo Phương án bồi thường, tái định cư của Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Về việc phân loại thôn, tổ dân phố: Trên cơ sở quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dân cư và thực hiện chính sách phù hợp với thực tế của địa phương".

5. Bổ sung Điều 8a sau Điều 8 như sau:

"Điều 8a. Quy trình và hồ sơ nhập, chia, giải thể và đặt tên, đổi tên, xóa tên thôn, tổ dân phố

1. Quy trình và hồ sơ nhập, chia thôn, tổ dân phố hiện có để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới được áp dụng thực hiện như quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (thành lập thôn mới, tổ dân phố mới trên cơ sở nhập, chia thôn, tổ dân phố hiện có).

2. Chuyển thôn thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã:

Căn cứ vào Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập Tờ trình để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

3. Đối với trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố:

Sau khi thực hiện Phương án bồi thường, tái định cư của Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập Tờ trình kèm theo Danh sách các thôn, tổ dân phố liên quan trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể và xóa tên theo quy định của pháp luật.

4. Việc đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố:

a) Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

b) Việc đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo các bước như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về phương án đổi tên thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 14 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XI;

- Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; trên cơ sở đó, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến; lập tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội khóa XIII".

6. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ:

a) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn, tổ dân phố đã được nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư này. Vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố. Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố; lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố để vận động nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động.

c) Sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo kết quả công tác trước hội nghị thôn, tổ dân phố.

2. Quyền hạn:

a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp.

b) Được phân công nhiệm vụ và quyền hạn giải quyết công việc của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; được chính quyền cấp xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của thôn, tổ dân phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố".

7. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 12. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

a) Trên cơ sở thống nhất với Chi ủy chi bộ, Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử danh sách để Hội nghị của thôn, tổ dân phố bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tại hội nghị này, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử. Căn cứ kết quả bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Thời điểm tổ chức bầu cử được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương 2 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

2. Việc bầu hoặc chỉ định, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định và hướng dẫn bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố:

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi hoặc năm năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thống nhất và phù hợp điều kiện cụ thể ở địa phương. Trường hợp do thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn mới, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

b) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố".

8. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung Điểm a và Điểm b Khoản 4 như sau:

"Điều 14. Trách nhiệm thi hành

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời đối với các trường hợp quy định tại Điểm 3 Khoản 7 Điều 1 Thông tư này.

b) Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn bảo đảm theo quy định tại Thông tư này và Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành".

Điều 2.

Thông tư này bãi bỏ các điều, khoản: Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 10, Điều 12 và Khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

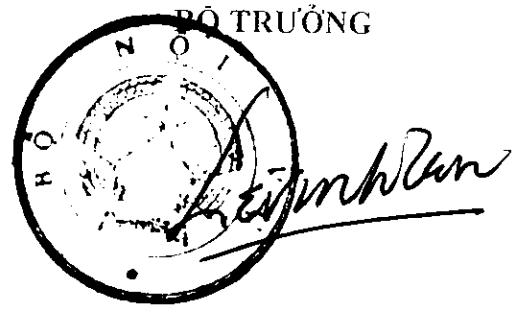
Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức và cá nhân gửi ý kiến về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Các Ban của TW Đảng, Văn phòng TW Đảng;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ CQĐP (5b).

BỘ TRƯỞNG



Lê Vĩnh Tân

